

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST
Ngày: 16/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: anh Lê Thanh Q, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Lê Thanh Q có mối quan hệ là chòm xóm láng giềng. Chị và anh Q không có quan hệ bà con ruột thịt. Chị là chủ hụi của một số dây hụi mà anh Q tham gia góp hụi.

Chị bắt đầu tổ chức hội từ năm 2019. Anh Q có tham gia góp hội do chị làm chủ hội từ nhiều năm trước. Anh Q tham gia 05 phần trong 05 dây hội do chị làm chủ hội. Đến giữa năm 2021 anh Q ngưng đóng hội chết cho chị. Do dây hội chị khai hội và mãn hội đã lâu nên chị không nhớ ngày tháng khai hội cụ thể và hội bao nhiêu phần, mãn ngày nào. Chị đã không còn lưu giữ danh sách hội. Anh Q tham gia góp hội chung dây hội với chị Nguyễn Thị Bé H và chị Nguyễn Thị H1. Sau khi anh Q ngưng đóng hội chết cho chị thì chị và anh Q có gặp nhau và chốt lại số tiền hội chết anh Q còn thiếu nợ của chị là 65.000.000 đồng. Đến tháng 5/2022 anh Q không góp hội cho chị nên chị gửi đơn tranh chấp ra ban Q2. Sau khi ban Q3 vào ngày 07/6/2022, anh Q có trả cho chị được 03 lần với số tiền là 1.200.000 đồng. Hiện nay anh Q còn nợ lại chị số tiền 63.800.000 đồng. Anh Q tự viết cam kết thiếu tiền hội cho chị số tiền hội chết 65.000.000 đồng và ký ghi họ tên vào khoảng cuối năm 2023.

Khi chị đăng hội cho anh Q có viết giấy đăng hội, tuy nhiên lâu quá rồi chị không còn lưu giữ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho chị số tiền hội chết anh Q còn thiếu của chị là 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng. Không yêu cầu anh Q trả tiền lãi.

Chúng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là Cam kết thiếu tiền của Lê Thanh Q (bản chính).

Về án phí chị đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh Q trình bày tại bản tự khai đề ngày 09/8/2024:

Anh Q thừa nhận tại thời điểm hoà giải cơ sở ngày 07/6/2022 còn nợ lại chị T số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ anh Q đã trả lại cho chị T được số tiền 1.200.000 đồng. Nay anh đồng ý trả cho chị T số tiền hội còn nợ lại là 63.800.000 đồng. Anh xin trả dần mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu trả cho từ ngày 05/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa: chị T, chị Q vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, bêu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T. Buộc anh Lê Thanh Q có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay gốc là 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thanh Q có địa chỉ tại: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả chị số tiền vay gốc 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng; đây là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn anh Lê Thanh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Q.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Q trả số tiền vay gốc 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng thấy rằng:

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh Q thừa nhận còn nợ lại chị T số tiền vay gốc là 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng và đồng ý trả cho chị T số tiền này. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về số tiền vay gốc anh Q còn nợ lại là 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

[3.2] Xét về yêu cầu của anh Q xin được trả dần cho chị T mỗi tháng 800.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 05/9/2024 dương lịch cho đến khi trả hết nợ thấy rằng:

Từ ngày chốt nợ vay và hoà giải tại ấp S xã T, huyện C ngày 07/6/2022 đến nay đã hơn 02 năm nhưng anh Q chỉ mới trả cho chị T được số tiền 1.200.000 đồng, là anh Q đã vi phạm thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của vay viên. Do vậy chị T yêu cầu chị H1 trả số tiền vay gốc 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) trả

một lần là có căn cứ chấp nhận, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh Q về việc xin trả dần mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, bưu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với anh Lê Thanh Q về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc anh Lê Thanh Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền hội chết 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.595.000 (một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009011 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Thanh Q phải chịu 3.190.000 (ba triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân